

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
BỘ MÔN NHA KHOA THỰC HÀNH

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	TƯ DUY PHẢN BIỆN VÀ GIAO TIẾP TRONG NHA KHOA		
Mã học phần:	71DECT40013	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	71K27RHMA01, 71K27RHMA02, 71K27RHMA03, 75K29RHMA01, 75K30RHMA01		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
☐ Đề thi có sử dụng phần mềm riêng	GV ghi cụ thể tên phần mềm:		
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có	☒ Không	

III. Nội dung câu hỏi thi

Câu hỏi 1: (1 điểm) Phân tích các bước tư duy phản biện trong thực hành nha khoa.

Câu hỏi 2: (1 điểm) Trình bày vai trò của tư duy phản biện trong chẩn đoán nha khoa.

Câu hỏi 3: (1 điểm) Liệt kê những khó khăn khi phải thông báo tin xấu cho bệnh nhân.

Câu hỏi 4: (1 điểm) Một bệnh nhân tỏ ra lo lắng và sợ hãi trước khi nhổ răng khôn, liên tục hỏi về mức độ đau và biến chứng có thể xảy ra. Bệnh nhân đó do dự và chưa sẵn sàng thực hiện điều trị. Bạn sẽ ứng xử như thế nào (về thái độ và cách giao tiếp) để giúp bệnh nhân yên tâm và đồng ý nhổ răng? (*Khuyến khích sinh viên trả lời ngắn gọn trong 5 – 6 dòng, khoảng 90 từ*)

Câu hỏi 5: (1 điểm) Đồng nghiệp của bạn làm việc thiếu trách nhiệm trong việc chuẩn bị hồ sơ hội chẩn một ca bệnh khó, gây ảnh hưởng cả nhóm làm việc và ảnh hưởng trực tiếp đến bệnh nhân. Khi bạn nêu vấn đề này trước buổi hội chẩn, anh ấy không những không nhận lỗi mà còn có những lời nói mang tính công kích cá nhân đối với bạn. Thái độ giao tiếp của bạn trong xử lý tình huống này như thế nào? (*Khuyến khích sinh viên trả lời ngắn gọn trong 5 – 6 dòng, khoảng 90 từ*)

Câu hỏi 6: (1 điểm) Liệt kê các tiêu chuẩn của tư duy phản biện.

Câu hỏi 7: (1 điểm) Trình bày những đặc tính nền cần có của người có tư duy phản biện.

Câu hỏi 8: (1 điểm) Nêu tầm quan trọng của tư duy phản biện trong thực hành nha khoa và nghiên cứu khoa học.

Câu hỏi 9: (1 điểm) Nêu các bước trong quy trình áp dụng tư duy phản biện khi lập kế hoạch điều trị? (yêu cầu trả lời ngắn gọn, không quá 10 hàng)

Câu hỏi 10: (1 điểm) Nêu các tình huống có thể hình thành ý tưởng nghiên cứu khoa học trong quá trình nghiên cứu và thực hành của bác sĩ răng hàm mặt và cho ví dụ cho một trong các tình huống đó?

ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận			
Câu 1		1.0	
Nội dung	- Bước 1: Đặt câu hỏi: về mọi thứ để giúp làm rõ, sáng tỏ vấn đề đúng hay sai, tìm phát hiện mới. Mục đích của câu hỏi: tìm sự thật hay tìm người đồng thuận, cách đặt câu hỏi sẽ khác nhau - Bước 2: Tìm bằng chứng, chứng cứ cho câu hỏi (từ kinh nghiệm, từ các cấp có thẩm quyền, từ các bài báo, các nghiên cứu). Các bằng chứng có đủ tin cậy - Bước 3: Nhìn sự việc từ những góc cạnh, quan điểm khác nhau: xem xét các ý kiến, các cách làm khác nhau, các giải pháp và kết quả có thể không chắc chắn - Bước 4: Hành động sáng suốt, không sai lầm: có nhiều giải pháp và lựa chọn giải pháp tối ưu nhất	1.0	
Câu 2		1.0	
Nội dung	- Việc thu thập thông tin từ nguồn đáng tin cậy giúp quyết định chính xác trong quá trình chẩn đoán - Tư duy phản biện sắp xếp, liên kết thông tin theo trình tự logic giúp tập trung vào nguyên nhân, tránh bỏ sót thông tin quan trọng hoặc hiểu sai vấn đề - Tư duy phản biện giúp nhận diện các sai lệch, thiên kiến theo kinh nghiệm - Tư duy phản biện giúp đặt ra nhiều giả thuyết khả thi khi dựa vào các dữ liệu, sau đó kiểm chứng từng giả thuyết để loại trừ các chẩn đoán không phù hợp. - Tư duy phản biện yêu cầu cân nhắc các rủi ro, lợi ích khi lựa chọn một chẩn đoán hoặc giải pháp - Tư duy phản biện không cứng nhắc mà có sự linh hoạt trong điều chỉnh giả thuyết và chẩn đoán khi có thông tin mới - Tư duy phản biện đòi hỏi bác sĩ phải biết cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu cho bệnh nhân - Tư duy phản biện yêu cầu bác sĩ đặt lợi ích của bệnh nhân lên hàng đầu, lấy bệnh nhân làm trung tâm	1.0	
Câu 3		1.0	

Nội dung	- Bác sĩ cảm thấy mình có một phần trách nhiệm trong đó. - Không biết cách làm như thế nào là tốt nhất. - Sợ làm thay đổi vị thế trong mối quan hệ bác sĩ - bệnh nhân. - Chưa hiểu hết bệnh nhân. - Lo ngại những biến chứng, thay đổi hình dạng cơ thể, đau đớn cho bệnh nhân	1.0	
Câu 4		1.0	
Nội dung	- Lắng nghe một cách chủ động những lo lắng của bệnh nhân và trấn an họ bằng thái độ bình tĩnh, nhẹ nhàng - Giải thích quy trình nhổ răng và biện pháp kiểm soát đau (gây tê) một cách rõ ràng - Chia sẻ các ca thực tế đã làm - Nếu không phải là ca khẩn thì có thể hẹn bệnh nhân quay lại khi họ đã sẵn sàng	1.0	
Câu 5		1.0	
Nội dung	- Giữ bình tĩnh, lắng nghe ý kiến từ nhiều phía, không vội vàng phán xét, không công kích cá nhân - Đưa ra góp ý theo hướng tích cực, tập trung vào việc giải quyết vấn đề dựa trên bằng chứng khoa học - Khi nhận phản hồi, lắng nghe và cải thiện nếu hợp lý - Sử dụng ngôn từ lịch sự, rõ ràng khi trao đổi chuyên môn	1.0	
Câu 6		1.0	
Nội dung	Độ chính xác (Accuracy): Đảm bảo thông tin đúng sự thật, không có sai sót hay nhầm lẫn. Độ chi tiết (Precision): Cung cấp đủ thông tin cụ thể, rõ ràng, không mơ hồ. Mức độ liên quan (Relevance): Thông tin và lập luận phải phù hợp, liên quan trực tiếp đến vấn đề đang thảo luận. Chiều sâu (Depth): Xem xét vấn đề một cách toàn diện, có hệ thống. Chiều rộng (Breadth): Đánh giá vấn đề từ nhiều góc nhìn khác nhau, không thiên vị một hướng tiếp cận duy nhất. Tính logic (Logical correctness): Đảm bảo lập luận có sự nhất quán, hợp lý, không có mâu thuẫn nội bộ. Tầm quan trọng (Significance): Tập trung vào những ý tưởng, dữ kiện có giá trị và ảnh hưởng lớn đến vấn đề.	1.0	

	Sự công bằng (Fairness): Đánh giá vấn đề một cách khách quan, không bị ảnh hưởng bởi thành kiến cá nhân hay định kiến.		
Câu 7		1.0	
Nội dung	Có tính hoài nghi, luôn có xu hướng đặt câu hỏi xác thực thông tin thay vì chấp nhận một cách hiển nhiên, tìm kiếm bằng chứng và lý luận để hỗ trợ các tuyên bố. Có sự tò mò và khao khát học hỏi để hiểu sâu vấn đề. Thường xuyên suy ngẫm về niềm tin và quá trình lập luận của mình, giúp nhận diện thành kiến và giả định. Kiên định tìm kiếm giải pháp, không dễ dàng thoái lui. Có tư duy mở: sẵn sàng lắng nghe những quan điểm mới, tranh luận một cách cởi mở và tôn trọng sự khác biệt văn hoá.	1.0	
Câu 8		1.0	
Nội dung	Là kỹ năng cần thiết giúp hiểu thấu đáo vấn đề. Cần thiết cho bác sĩ nha khoa trong công việc lâm sàng, giúp quá trình đưa ra chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị được đầy đủ và chính xác. Cần thiết trong hoạt động giao tiếp bệnh nhân, giao tiếp đồng nghiệp và thể hiện tính chuyên nghiệp. Cần thiết trong hoạt động nghiên cứu nhằm đánh giá những nghiên cứu trước đó, lập kế hoạch nghiên cứu, và biện luận kết quả nghiên cứu.	1.0	
Câu 9		1.0	
Nội dung	- Xác định vấn đề: Đánh giá tình trạng sức khỏe răng miệng của bệnh nhân. Điều này giúp bác sĩ có cái nhìn toàn diện về tình trạng bệnh lý và nhu cầu thực tế của bệnh nhân. - Tìm kiếm, thu thập thông tin: Thông tin thu thập trên lâm sàng, thông tin cận lâm sàng, kiến thức trong sách vở, các kết quả nghiên cứu khoa học, hay từ đồng nghiệp, các chuyên gia trong các lĩnh vực... Sử dụng tư duy phản biện để tổng hợp, chọn lọc những thông tin phù hợp. - Phân tích và đánh giá: từ những thông tin tìm kiếm được, người điều trị xem xét độ tin cậy, chọn lựa điều trị phù hợp với bệnh nhân.	1.0	

	- Đưa ra quyết định: cân nhắc giữa lợi ích và rủi ro của từng loại hình điều trị. Trước khi thực hiện luôn cần có sự đồng thuận của bệnh nhân. Bệnh nhân vẫn là người quyết định sau cùng. - Thực hiện việc điều trị: triển khai thực hiện các bước điều trị đã đồng thuận với bệnh nhân. Bất kỳ sự thay đổi nào cũng cần cho bệnh nhân biết. Đánh giá kết quả điều trị sát sao theo từng giai đoạn để có sự thay đổi nếu cần thiết. - Tái đánh giá, theo dõi, đưa ra bài học và rút kinh nghiệm. <i>Lưu ý: chỉ cần nêu được các từ khoá của mỗi ý sẽ được trọn số điểm.</i>		
Câu 10		1.0	
Nội dung	1. Qua quá trình nghiên cứu, đọc và thu thập tài liệu ta phát hiện ra các “vấn đề” chưa được nghiên cứu, các câu hỏi cần được giải đáp. 2. Người nghiên cứu thấy một điều gì đó chưa rõ trong những nghiên cứu trước và muốn chứng minh thêm. 3. Trong hoạt động lâm sàng và nghiên cứu, yêu cầu về kỹ thuật, vật liệu, dụng cụ, ... làm cho người ta không ngừng tìm tòi, sáng tạo ra những sản phẩm tốt hơn nhằm phục vụ cho nhu cầu điều trị. 4. Các “vấn đề” hay các câu hỏi nghiên cứu chợt xuất hiện trong suy nghĩ của ta qua sự tình cờ quan sát các sự kiện trong điều trị, nghiên cứu. - Ví dụ phù hợp	1.0	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2025

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

TS.BS. Điền Hòa Anh Vũ

TS.BS. Trần Ngọc Quảng Phi
 TS.BS. Điền Hòa Anh Vũ
 BSCK1. Nguyễn Thị Liên
 ThS. BS. Võ Mạnh Hùng
 ThS.BS. Mai Tiến Dũng